

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 23 tháng 01 năm 2024

THỎA THUẬN KHUNG
Số: 06/TTK

V/v cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước thuộc Gói thầu mua thuốc generic cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước đợt 1 giai đoạn 2023 – 2025

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT, ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư 06/2023/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn 3957/UBND-TH ngày 16 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thuận chủ trương giao Sở Y tế mua sắm thuốc, hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế tập trung cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022 – 2024;

Căn cứ Công văn 1604/UBND-TH ngày 17 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu mua thuốc, hóa chất và vật tư y tế;

Căn cứ Quyết định số 1702/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua thuốc generic cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước đợt 1 giai đoạn 2023 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 44/QĐ-SYT ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Sở Y tế về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu gói thầu mua thuốc generic cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước đợt 1 giai đoạn 2023 – 2025;





Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-SYT ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Sở Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu mua thuốc generic cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước đợt 1 giai đoạn 2023 – 2025

Hôm nay, ngày 23/01/2024, tại Sở Y tế. Chúng tôi gồm:

I. Cơ quan ký thỏa thuận khung (sau đây gọi là Bên A):

Tên Chủ đầu tư: Sở Y tế tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ: Khu phố 1, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Điện thoại: 02713879272

E-mail: nghepvduocbinhphuoc@gmail.com

Đại diện là ông/bà: Đỗ Thị Nguyên

Chức vụ: Phó giám đốc Sở Y tế

II. Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: 02 Phan Đình Phùng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại: (0236) 3810 735

Mã số thuế: 0400101404

Đại diện là ông: NGUYỄN LƯƠNG TÂM

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bên được ủy quyền:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 796/15 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38631018

Email: tothaudapharcohcm@gmail.com; dathangdapharcohcm@gmail.com

Tài khoản: 119 000 007934 Tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN 10 Tp. Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0400101404-027

Đại diện là ông: NGUYỄN BÁ HẢI

Chức vụ: Giám đốc chi nhánh

(Giấy ủy quyền ký Thỏa thuận khung số 380/UQ-CT ngày 17 tháng 04 năm 2023)

Hai bên thống nhất ký kết Thỏa thuận khung cho việc cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu mua thuốc generic cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước đợt 1 giai đoạn 2023 – 2025 như sau:

1. Phạm vi cung cấp

- Phạm vi cung cấp là các mặt hàng thuốc trúng thầu theo số lượng của từng phần được phân bổ cho các cơ sở y tế trên địa bàn.
- Trên cơ sở Thỏa thuận khung này, Nhà thầu và các cơ sở y tế trên địa bàn sẽ ký hợp đồng để cung ứng thuốc cho từng cơ sở y tế.



2. Thời gian, địa điểm giao hàng:

- Nhà thầu giao hàng làm nhiều đợt trong thời gian 730 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực quy định trong hợp đồng. Các cơ sở y tế (bên mua) dự trữ số lượng thuốc tùy theo nhu cầu thực tế của từng đơn vị; nhà thầu phải đáp ứng cung cấp đủ số lượng, đạt chất lượng hàng hóa theo thời gian thỏa thuận với các cơ sở y tế được quy định trong hợp đồng. Bên mua có thể dự trữ hàng đợt xuất khi cần thiết phục vụ kịp thời cho công tác khám chữa bệnh.

- Địa điểm giao hàng: Hàng hóa được giao tại kho của bên mua theo danh mục các cơ sở y tế đính kèm thuộc Gói thầu mua thuốc generic cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước đợt 1 giai đoạn 2023 – 2025.

3. Điều kiện bàn giao hàng hóa, thanh toán, thanh lý hợp đồng

3.1. Điều kiện bàn giao hàng hóa

- Thuốc cung cấp phải bảo đảm về tiêu chuẩn kỹ thuật được nêu trong Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với Bộ Y tế. Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho các cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm.

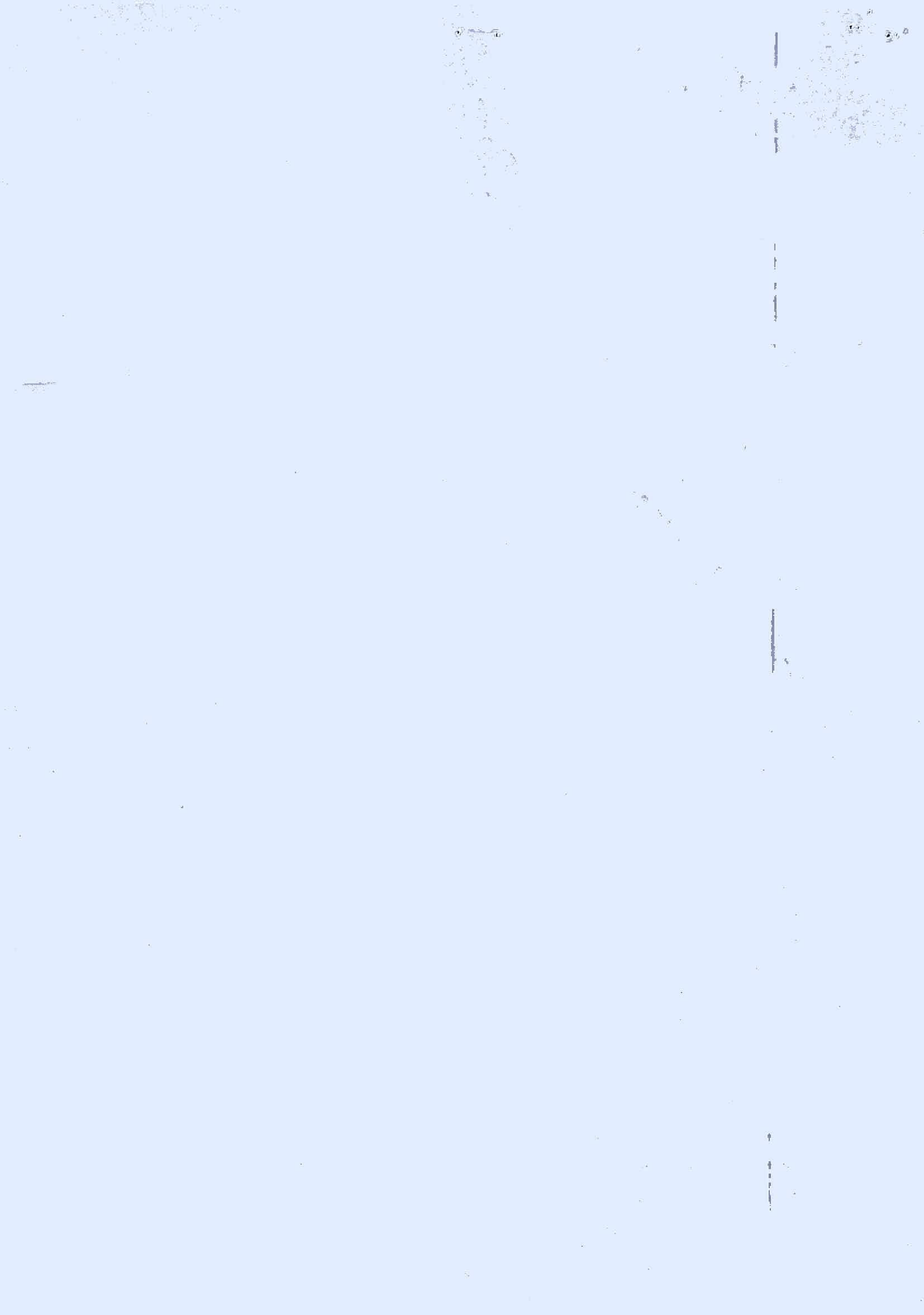
- Thuốc phải được đóng gói, dán nhãn đúng quy cách được nêu trong Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu. Nhà thầu sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định và phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.

- Có phiếu kiểm nghiệm cho từng lô thuốc theo quy định, có giấy báo lô và hạn dùng của thuốc (có thể in trên hóa đơn bán hàng) khi giao hàng.

- Về vận chuyển: Nhà thầu phải trực tiếp vận chuyển hàng hoá đến kho của các cơ sở y tế, Nhà thầu phải chịu mọi chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng, phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình vận chuyển như: bảo quản lạnh, chống nắng, nóng ẩm mốc v.v., phương tiện vận chuyển, quy trình vận chuyển phải phù hợp với nguyên tắc “Thực hành tốt phân phối thuốc - GDP” mà nhà thầu đã đạt được. Khi giao nhận thuốc tại cơ sở y tế phải thực hiện kiểm nhập tất cả các thuốc trước khi nhập kho và lập biên bản kiểm nhập có đầy đủ nội dung kiểm nhập và chữ ký của các thành viên Hội đồng kiểm nhập theo đúng quy định.

3.2. Điều kiện thanh toán

- Phương thức thanh toán: Các cơ sở y tế ký hợp đồng mua bán với nhà thầu thực hiện thanh toán cho nhà thầu bằng chuyển khoản hoặc hình thức phù hợp theo quy định hiện hành.



- Thời hạn thanh toán không quá 90 ngày kể từ khi nhà thầu giao hàng và xuất trình đầy đủ các chứng từ thuộc phạm vi trách nhiệm của nhà thầu (phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán được cụ thể trong hợp đồng).

3.3. Thanh lý hợp đồng: Thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Hướng dẫn sử dụng hàng hóa, điều kiện bảo hành

- Hàng hóa cung cấp có nhãn đúng quy định về nhãn thuốc, có tờ hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam.

- Nhà thầu phải thu hồi và đổi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.

- Kiểm tra, thử nghiệm hàng hoá thực hiện theo quy định trong Điều kiện chung nêu tại Chương VI và Điều kiện cụ thể nêu tại Chương VII của Hồ sơ mời thầu.

5. Trách nhiệm của Bên A

- Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và thỏa thuận khung đến các cơ sở y tế y tế thuộc phạm vi cung cấp của Thỏa thuận khung theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Nhà thầu trong việc thương thảo và ký hợp đồng với các cơ sở y tế.

- Công khai thỏa thuận khung trên Cổng Thông tin điện tử Sở Y tế và thông báo bằng văn bản đến các đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương.

- Cung cấp các thông tin cần thiết để các đơn vị trúng thầu tiến hành ký kết hợp đồng cung cấp thuốc với các cơ sở y tế.

6. Trách nhiệm của bên B

- Tiến hành ký kết Thỏa thuận khung với Sở Y tế để cung cấp các mặt hàng thuốc thuộc gói thầu.

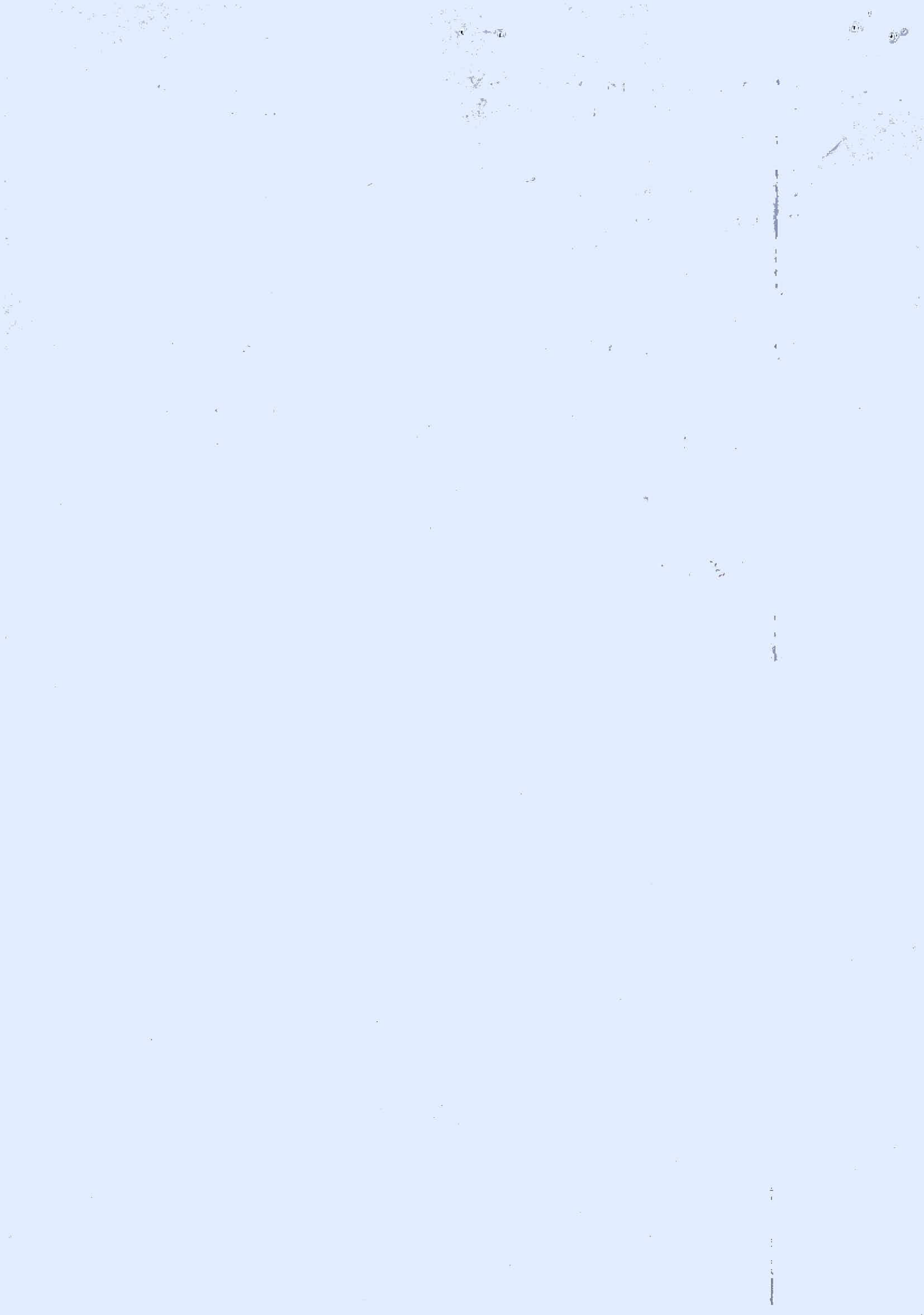
- Ký hợp đồng mua bán thuốc với các cơ sở y tế theo số lượng của từng mặt hàng đã phân bổ cho từng cơ sở y tế. Nhà thầu có trách nhiệm tổng hợp gửi về Sở Y tế tỉnh Bình Phước 1 bản hợp đồng đã ký kèm bản gốc bảo lãnh thực hiện hợp đồng do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (**nhà thầu thực hiện bảo lãnh thực hiện hợp đồng với Sở Y tế tỉnh Bình Phước**).

- Cung ứng đầy đủ thuốc và đúng tiến độ theo đúng chủng loại, số lượng, đơn giá không vượt quá giá trúng thầu đã được phê duyệt.

- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu trong điều kiện chung nêu tại Chương V và điều kiện cụ thể nêu tại Chương VI và nội dung của Bản cam kết được nêu trong Hồ sơ yêu cầu (đính kèm các bản cam kết của nhà thầu);

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng đã ký giữa Nhà thầu với các cơ sở y tế.

K
T
H



- Thực hiện chế độ báo cáo cho Sở Y tế tỉnh Bình Phước về tình hình bàn giao, tiếp nhận thuốc theo định kỳ hàng tháng, hàng quý và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

7. Hiệu lực và thời hạn thực hiện thỏa thuận khung

- Thỏa thuận khung này là cơ sở để các cơ sở y tế ký hợp đồng mua thuốc với nhà thầu cung cấp thuốc.

- Thời gian thực hiện Thỏa thuận khung: 730 ngày.

8. Xử phạt do vi phạm

- Việc xử phạt do vi phạm các điều khoản của Thỏa thuận khung/Hợp đồng đã ký kết được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Thỏa thuận khung này được làm thành 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

hh
ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH

[Signature]
NGUYỄN BÁ HẢI

ĐẠI DIỆN BÊN MỜI THẦU
PHÓ GIÁM ĐỐC

[Signature]
ĐỖ THỊ NGUYỄN


NAM
CỘNG

PHỤ LỤC THỎA THUẬN KHUNG

(Đính kèm Thỏa thuận khung số 06/TTK ngày 23 tháng 01 năm 2024)

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GPKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ) (có VAT)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ) (có VAT)
1	G72	Zoamco-A	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besilat); Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat)	5mg; 10mg	Viên nén bao phim; Uống	Hộp 02 vỉ x 10 viên	36 tháng	VD-36187-22	Công ty Cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	3.150	100.000	315.000.000
2	G101	Atenolol STADA 50mg	Atenolol	50mg	Viên nén; Uống	Hộp 2 vỉ x 15 viên	36 tháng	VD-23232-15 (có QĐ số 201/QĐ-QLD ngày 20/04/2022)	NHÀ MÁY STADA VIỆT NAM	Việt Nam	Viên	429	107.500	46.117.500
3	G128	Satarex	Beclomethason dipropionat	0,05mg/0,05ml x 150 liều	Hỗn dịch xịt mũi; Xịt mũi	Hộp 1 lọ 150 liều 50 mcg	36 tháng	VD-25904-16 (có QĐ số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023)	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Việt Nam	Lọ	55.890	8.820	492.949.800
4	G194	Tenadol 1000	Cefamandol (dưới dạng Cefamandol nafat)	1000mg	Bột pha tiêm; Tiêm	Hộp 1, 10 lọ	24 tháng	VD-35454-21	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	Lọ	61.995	5.500	340.972.500
5	G489	Bravigo 5mg	Ivabradine (dưới dạng Ivabradine HCl)	5mg	Viên nén bao phim; Uống	Hộp 4 vỉ x 14 viên	36 tháng	520110185423	Genepfarm S.A.	Greece	Viên	7.050	30.000	211.500.000

Tổng cộng: 05 mặt hàng

Tổng giá trị: 1.406.539.800 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm linh sáu triệu năm trăm ba mươi chín nghìn tám trăm đồng ./.)



NGUYỄN BÁ HẢI



ĐỖ THỊ NGUYỄN

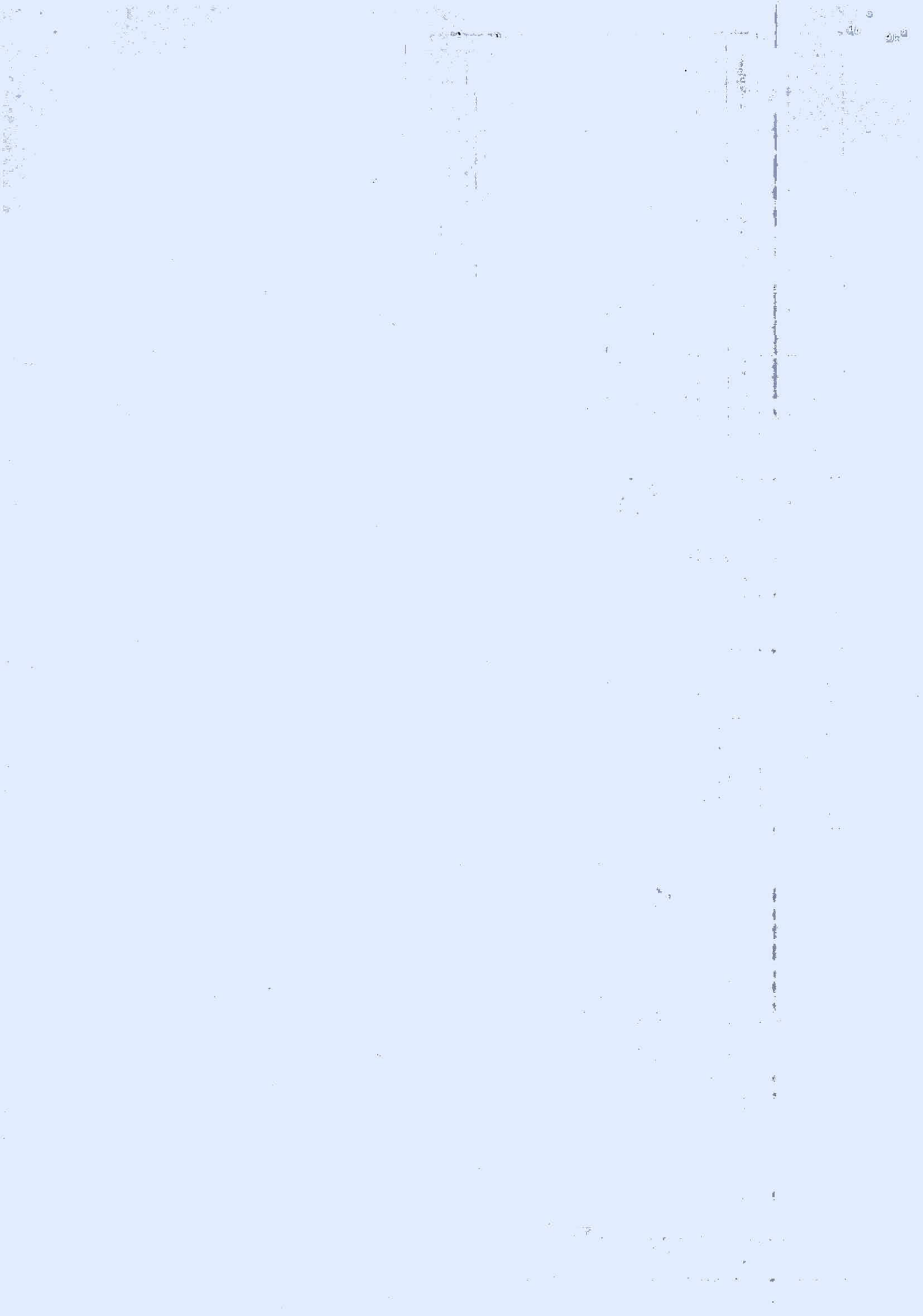


PHỤ LỤC 2: PHẠM VI CUNG CẤP CHI TIẾT THEO TỪNG MẶT HÀNG

(Đính kèm Thỏa thuận khung số 06/TTK ngày 23 tháng 01 năm 2024)

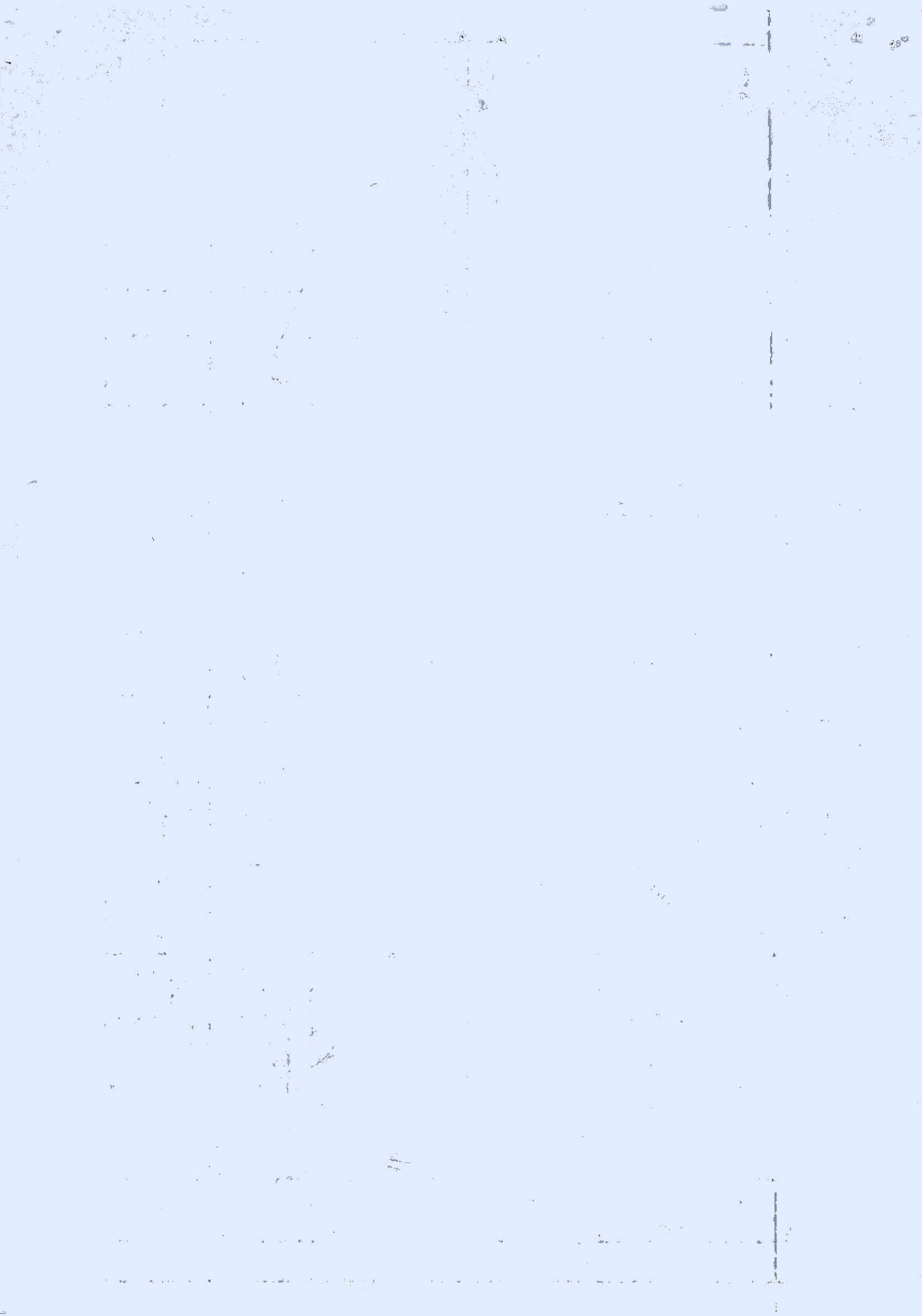
STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ) (có VAT)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Tên cơ sở y tế	Tỉnh/TP
1 - Zoamco-A							100.000	315.000.000		
1	G72	Zoamco-A	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besilat); Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat)	5mg; 10mg	Viên	3150	20.000	63.000.000	Trung tâm Y tế huyện Đồng Phú	Bình Phước
2	G72	Zoamco-A	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besilat); Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat)	5mg; 10mg	Viên	3150	20.000	63.000.000	Trung tâm y tế thành phố Đồng Xoài	Bình Phước
3	G72	Zoamco-A	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besilat); Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat)	5mg; 10mg	Viên	3150	30.000	94.500.000	Trung tâm Y tế thị xã Phước Long	Bình Phước
4	G72	Zoamco-A	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besilat); Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat)	5mg; 10mg	Viên	3150	30.000	94.500.000	Bệnh viện đa khoa Cao su Bình Long	Bình Phước
2 - Atenolol STADA 50mg							107.500	46.117.500		
1	G101	Atenolol STADA 50mg	Atenolol	50mg	Viên	429	20.000	8.580.000	Trung tâm Y tế thị xã Phước Long	Bình Phước
2	G101	Atenolol STADA 50mg	Atenolol	50mg	Viên	429	80.000	34.320.000	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bình Phước	Bình Phước
3	G101	Atenolol STADA 50mg	Atenolol	50mg	Viên	429	1.000	429.000	Bệnh viện Đa khoa Cao su Đồng Phú	Bình Phước
4	G101	Atenolol STADA 50mg	Atenolol	50mg	Viên	429	6.000	2.574.000	Bệnh viện đa khoa Cao su Phú Riềng	Bình Phước
5	G101	Atenolol STADA 50mg	Atenolol	50mg	Viên	429	500	214.500	Bệnh xá Công an tỉnh Bình Phước	Bình Phước
3 - Satarex							8.820	492.949.800		
1	G128	Satarex	Beclomethason dipropionat	0,05mg/0,05ml x 150 liều	Lọ	55.890	2.500	139.725.000	Trung tâm y tế huyện Bù Đăng	Bình Phước
2	G128	Satarex	Beclomethason dipropionat	0,05mg/0,05ml x 150 liều	Lọ	55.890	500	27.945.000	Trung tâm Y tế huyện Bù Đốp	Bình Phước
3	G128	Satarex	Beclomethason dipropionat	0,05mg/0,05ml x 150 liều	Lọ	55.890	3.000	167.670.000	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước	Bình Phước
4	G128	Satarex	Beclomethason dipropionat	0,05mg/0,05ml x 150 liều	Lọ	55.890	1.500	83.835.000	Trung tâm Y tế huyện Đồng Phú	Bình Phước





STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ) (có VAT)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Tên cơ sở y tế	Tỉnh/TP
5	G128	Satarex	Beclomethason dipropionat	0,05mg/0,05ml x 150 liều	Lọ	55.890	1.000	55.890.000	Trung tâm y tế thành phố Đồng Xoài	Bình Phước
6	G128	Satarex	Beclomethason dipropionat	0,05mg/0,05ml x 150 liều	Lọ	55.890	300	16.767.000	Trung tâm y tế huyện Lộc Ninh	Bình Phước
7	G128	Satarex	Beclomethason dipropionat	0,05mg/0,05ml x 150 liều	Lọ	55.890	20	1.117.800	Bệnh xá Công an tỉnh Bình Phước	Bình Phước
4 - Tenadol 1000							5.500	340.972.500		
1	G194	Tenadol 1000	Cefamandol (dưới dạng Cefamandol nafat)	1000mg	Lọ	61.995	500	30.997.500	Trung tâm Y tế huyện Bù Đốp	Bình Phước
2	G194	Tenadol 1000	Cefamandol (dưới dạng Cefamandol nafat)	1000mg	Lọ	61.995	1.000	61.995.000	Trung tâm Y tế huyện Đồng Phú	Bình Phước
3	G194	Tenadol 1000	Cefamandol (dưới dạng Cefamandol nafat)	1000mg	Lọ	61.995	2.000	123.990.000	Trung tâm y tế thành phố Đồng Xoài	Bình Phước
4	G194	Tenadol 1000	Cefamandol (dưới dạng Cefamandol nafat)	1000mg	Lọ	61.995	2.000	123.990.000	Trung tâm Y tế thị xã Phước Long	Bình Phước
5 - Bravigo 5mg							30.000	211.500.000		
1	G489	Bravigo 5mg	Ivabradine (dưới dạng Ivabradine HCl)	5mg	Viên	7.050	10.000	70.500.000	Phòng khám & quản lý sức khỏe cán bộ trực thuộc ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	Bình Phước
2	G489	Bravigo 5mg	Ivabradine (dưới dạng Ivabradine HCl)	5mg	Viên	7.050	20.000	141.000.000	Trung tâm y tế thành phố Đồng Xoài	Bình Phước





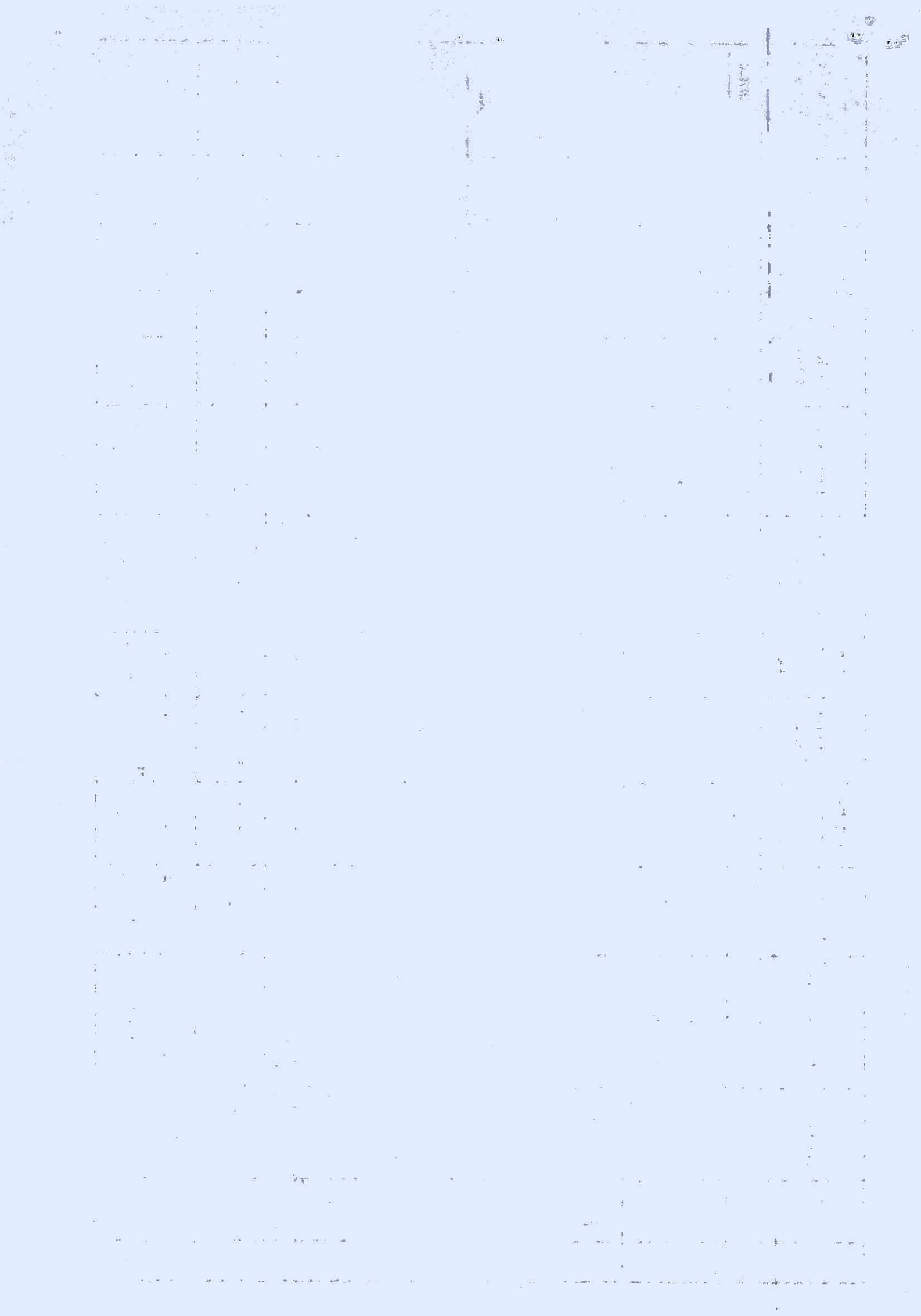
PHỤ LỤC 3: PHẠM VI CUNG CẤP CHI TIẾT THEO TỪNG CƠ SỞ Y TẾ*(Đính kèm Thỏa thuận khung số 06/TTK ngày 23 tháng 01 năm 2024)*

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ) (có VAT)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
1-Phòng khám & quản lý sức khỏe cán bộ trực thuộc ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh														70.500.000
1	G489	Bravigo 5mg	Ivabradine (dưới dạng Ivabradine HCl)	5mg	Viên nén bao phim; Uống	Hộp 4 vi x 14 viên	36 tháng	520110185423	Genepfarm S.A.	Greece	Viên	7.050	10.000	70.500.000
2-Trung tâm y tế huyện Bù Đăng														139.725.000
1	G128	Satarex	Beclomethason dipropionat	0,05mg/0,05ml x 150 liều	Hỗn dịch xịt mũi; Xịt mũi	Hộp 1 lọ 150 liều 50 mcg	36 tháng	VD-25904-16 (có QĐ số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023)	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Việt Nam	Lọ	55.890	2.500	139.725.000
3-Trung tâm Y tế huyện Bù Đốp														58.942.500
1	G128	Satarex	Beclomethason dipropionat	0,05mg/0,05ml x 150 liều	Hỗn dịch xịt mũi; Xịt mũi	Hộp 1 lọ 150 liều 50 mcg	36 tháng	VD-25904-16 (có QĐ số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023)	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Việt Nam	Lọ	55.890	500	27.945.000
2	G194	Tenadol 1000	Cefamandol (dưới dạng Cefamandol nafat)	1000mg	Bột pha tiêm; Tiêm	Hộp 1, 10 lọ	24 tháng	VD-35454-21	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	Lọ	61.995	500	30.997.500
4-Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước														167.670.000
1	G128	Satarex	Beclomethason dipropionat	0,05mg/0,05ml x 150 liều	Hỗn dịch xịt mũi; Xịt mũi	Hộp 1 lọ 150 liều 50 mcg	36 tháng	VD-25904-16 (có QĐ số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023)	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Việt Nam	Lọ	55.890	3.000	167.670.000
5-Trung tâm Y tế huyện Đồng Phú														208.830.000
1	G72	Zoamco-A	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besilat); Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat)	5mg; 10mg	Viên nén bao phim; Uống	Hộp 02 vi x 10 viên	36 tháng	VD-36187-22	Công ty Cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	3.150	20.000	63.000.000



STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ) (có VAT)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
2	G128	Satarex	Beclomethason dipropionat	0,05mg/0,05ml x 150 liều	Hỗn dịch xịt mũi; Xịt mũi	Hộp 1 lọ 150 liều 50 mcg	36 tháng	VD-25904-16 (có QĐ số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023)	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Việt Nam	Lọ	55.890	1.500	83.835.000
3	G194	Tenadol 1000	Cefamandol (dưới dạng Cefamandol nafat)	1000mg	Bột pha tiêm; Tiêm	Hộp 1, 10 lọ	24 tháng	VD-35454-21	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	Lọ	61.995	1.000	61.995.000
6-Trung tâm y tế thành phố Đồng Xoài														383.880.000
1	G72	Zoamco-A	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besilat); Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat)	5mg; 10mg	Viên nén bao phim; Uống	Hộp 02 vỉ x 10 viên	36 tháng	VD-36187-22	Công ty Cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	3.150	20.000	63.000.000
2	G128	Satarex	Beclomethason dipropionat	0,05mg/0,05ml x 150 liều	Hỗn dịch xịt mũi; Xịt mũi	Hộp 1 lọ 150 liều 50 mcg	36 tháng	VD-25904-16 (có QĐ số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023)	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Việt Nam	Lọ	55.890	1.000	55.890.000
3	G194	Tenadol 1000	Cefamandol (dưới dạng Cefamandol nafat)	1000mg	Bột pha tiêm; Tiêm	Hộp 1, 10 lọ	24 tháng	VD-35454-21	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	Lọ	61.995	2.000	123.990.000
4	G489	Bravigo 5mg	Ivabradine (dưới dạng Ivabradine HCl)	5mg	Viên nén bao phim; Uống	Hộp 4 vỉ x 14 viên	36 tháng	520110185423	Genepfarm S.A.	Greece	Viên	7.050	20.000	141.000.000
7-Trung tâm y tế huyện Lộc Ninh														16.767.000
1	G128	Satarex	Beclomethason dipropionat	0,05mg/0,05ml x 150 liều	Hỗn dịch xịt mũi; Xịt mũi	Hộp 1 lọ 150 liều 50 mcg	36 tháng	VD-25904-16 (có QĐ số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023)	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Việt Nam	Lọ	55.890	300	16.767.000





STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ) (có VAT)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
8-Trung tâm Y tế thị xã Phước Long														227.070.000
1	G72	Zoamco-A	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besilat); Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat)	5mg; 10mg	Viên nén bao phim; Uống	Hộp 02 vi x 10 viên	36 tháng	VD-36187-22	Công ty Cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	3.150	30.000	94.500.000
2	G101	Atenolol STADA 50mg	Atenolol	50mg	Viên nén; Uống	Hộp 2 vi x 15 viên	36 tháng	VD-23232-15 (có QĐ số 201/QĐ-QLD ngày 20/04/2022)	NHÀ MÁY STADA VIỆT NAM	Việt Nam	Viên	429	20.000	8.580.000
3	G194	Tenadol 1000	Cefamandol (dưới dạng Cefamandol nafat)	1000mg	Bột pha tiêm; Tiêm	Hộp 1, 10 lọ	24 tháng	VD-35454-21	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	Lọ	61.995	2.000	123.990.000
9-Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bình Phước														34.320.000
1	G101	Atenolol STADA 50mg	Atenolol	50mg	Viên nén; Uống	Hộp 2 vi x 15 viên	36 tháng	VD-23232-15 (có QĐ số 201/QĐ-QLD ngày 20/04/2022)	NHÀ MÁY STADA VIỆT NAM	Việt Nam	Viên	429	80.000	34.320.000
10-Bệnh viện Đa khoa Cao su Đồng Phú														429.000
1	G101	Atenolol STADA 50mg	Atenolol	50mg	Viên nén; Uống	Hộp 2 vi x 15 viên	36 tháng	VD-23232-15 (có QĐ số 201/QĐ-QLD ngày 20/04/2022)	NHÀ MÁY STADA VIỆT NAM	Việt Nam	Viên	429	1.000	429.000
11-Bệnh viện đa khoa Cao su Phú Riềng														2.574.000
1	G101	Atenolol STADA 50mg	Atenolol	50mg	Viên nén; Uống	Hộp 2 vi x 15 viên	36 tháng	VD-23232-15 (có QĐ số 201/QĐ-QLD ngày 20/04/2022)	NHÀ MÁY STADA VIỆT NAM	Việt Nam	Viên	429	6.000	2.574.000
12-Bệnh xá Công an tỉnh Bình Phước														1.332.300
1	G101	Atenolol STADA 50mg	Atenolol	50mg	Viên nén; Uống	Hộp 2 vi x 15 viên	36 tháng	VD-23232-15 (có QĐ số 201/QĐ-QLD ngày 20/04/2022)	NHÀ MÁY STADA VIỆT NAM	Việt Nam	Viên	429	500	214.500



STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ) (có VAT)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
2	G128	Satarex	Beclomethason dipropionat	0,05mg/0,05ml x 150 liều	Hỗn dịch xịt mũi; Xịt mũi	Hộp 1 lọ 150 liều 50 mcg	36 tháng	VD-25904-16 (có QĐ số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023)	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Việt Nam	Lọ	55.890	20	1.117.800
13-Bệnh viện đa khoa Cao su Bình Long														94.500.000
1	G72	Zoamco-A	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besilat); Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat)	5mg; 10mg	Viên nén bao phim; Uống	Hộp 02 vỉ x 10 viên	36 tháng	VD-36187-22	Công ty Cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	3.150	30.000	94.500.000

hnh **ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU**
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH



[Signature]
NGUYỄN BÁ HẢI

ĐẠI DIỆN BÊN MỜI THẦU
PHÓ GIÁM ĐỐC



[Signature]
ĐỖ THỊ NGUYỄN



